

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu: Thuê Location và Kênh truyền (DC) – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP
Tên gói thầu: TDV 07
Phát hành ngày: 30 / 12 / 2022

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu
(nếu có)
[ghi tên, đóng dấu]

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển
Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc
gia
[ghi tên, đóng dấu]



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Cường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn)
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
IDNES	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia
VND	đồng Việt Nam

Phần thứ nhất. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung đấu thầu

1.1. IDNES phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn được mô tả trong Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

1.2. Tên và thời gian thực hiện hợp đồng được quy định tại **BDL**.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và các hành vi bị cấm trong đấu thầu

2.1. Nhà thầu có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
- b. Hạch toán tài chính độc lập;
- c. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- d. Nhà thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự trong một gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế;
- e. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với trường hợp các gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng thì không bắt buộc Nhà thầu phải đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- f. Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu thực hiện dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên;
- g. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
- h. Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn; Các nhà thầu có tên trong danh sách ngăn không được liên danh với nhau để tham dự thầu.

2.2. Các hành vi bị cấm:

- a. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
- b. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp trái phép vào hoạt động đấu thầu.
- c. Thông thầu:
 - Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;
 - Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một

bên thắng thầu;

- Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.

d. Gian lận: Cố ý trình bày sai hoặc làm sai lệch, cung cấp không trung thực thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong quá trình đấu thầu nhằm thu được lợi ích cho mình, làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

e. Cản trở:

- Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

- Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

f. Không bảo đảm công bằng, minh bạch:

- Nhà thầu tham dự gói đấu thầu hàng hóa, dịch vụ xây lắp do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

- Đứng tên tham dự thầu, chào hàng, đề xuất cung ứng đối với gói đấu thầu trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại IDNES;

g. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn Nhà thầu:

- Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành;

- Nội dung HSĐT các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐT trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Nội dung yêu cầu làm rõ HSĐT của IDNES và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá HSĐT trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo của nhà thầu/nhà cung ứng dịch vụ tư vấn, báo cáo của đơn vị chuyên môn trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

- Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được coi là tài liệu bảo mật theo quy định của IDNES.

h. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc

trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết.

Mục 3. Nội dung của HSMT

3.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần thứ nhất. Thủ tục đấu thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- Chương VI. Biểu mẫu dự thầu.

Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Phần thứ ba. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.

3.2. Thư mời thầu, thông báo mời thầu do IDNES phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.

3.3. IDNES sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi IDNES. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do IDNES phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

3.4. HSMT được phát hành bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>) và trên cổng thông tin điện tử của IDNES.

3.5. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị lập HSDT bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMT.

Mục 4. Làm rõ HSMT

4.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến IDNES thông qua Hệ thống trong thời gian theo quy định lại **BDL** để xem xét, xử lý. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì IDNES phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 5 CDNT.

4.2. Nhà thầu cần thường xuyên cập nhật thông tin về sửa đổi, làm rõ E-HSMT trên Hệ thống để bảo đảm cho việc chuẩn bị HSĐT phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của HSMT.

Mục 5. Sửa đổi HSMT

5.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi HSMT và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm)

5.2. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian quy định tại **BDL**.

Mục 6. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSĐT. Trong mọi trường hợp, IDNES sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

Mục 7. Ngôn ngữ của HSĐT

HSĐT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐT được trao đổi giữa nhà thầu với IDNES được viết bằng Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của HSMT. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 8. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán

Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).

Mục 9. Thành phần của HSĐT

HSĐT phải bao gồm các thành phần sau:

9.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 10 CDNT;

9.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

9.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15 CDNT;

9.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 2 và Mục 16.1 CDNT;

9.5. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 CDNT;

9.6. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật của dịch vụ theo quy định tại Mục 12 CDNT;

9.7. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 10 và Mục 11 CDNT;

9.8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.

Mục 10. Đơn dự thầu và các bảng biểu

Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Mục 11. Giá dự thầu và giảm giá

11.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu quy định tại Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

11.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.2 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục dịch vụ”, “Mô tả dịch vụ” tại Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” có dịch vụ mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của dịch vụ này vào các dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được IDNES thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

11.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục dịch vụ”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm IDNES nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại Mục 19 CDNT. Thư giảm giá sẽ được IDNES bảo quản như một phần của HSDT.

11.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 21 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 12. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật

12.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung

cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

12.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với IDNES rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Mục 13. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

13.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của IDNES.

13.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được công nhận quy định tại **BDL**.

Mục 14. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

14.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**.

HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, IDNES có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 15. Bảo đảm dự thầu

15.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm ký hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc bảo chi (đối với trường hợp đặt cọc) như quy định tại Mục 15.2 CDNT. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 04 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 14.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được

gia hạn tương ứng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

15.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

15.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT, không đúng tên IDNES (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES.

15.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

15.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;
- b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT;
- c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 33 CDNT;
- d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn

5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của IDNES, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của IDNES, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 16. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT

16.1. HSDT phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

16.2. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

16.3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

16.4. Nhà thầu nộp HSDT qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>). Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một thông báo mời thầu khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (đại diện liên danh) hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp HSDT.

16.5. Nhà thầu nộp bản mềm HSDT (bản scan HSDT có đủ chữ ký, dấu (nếu có) của nhà thầu) thông qua Hệ thống không muộn hơn thời hạn quy định tại BDL, tiêu đề ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản gốc HSDT”. Trường hợp sửa đổi, tiêu đề bản mềm HSDT sửa đổi phải ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản sửa đổi HSDT”. Các HSDT sửa đổi được nộp thông qua Hệ thống sau thời điểm hết hạn nộp HSDT sẽ không được xem xét.

16.6. Nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu phải nộp 01 bản gốc HSDT cho IDNES trong

vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn mời thương thảo hợp đồng.

Mục 17. Thời điểm đóng thầu

17.1. Nhà thầu phải bảo đảm IDNES nhận được HSDT trước thời điểm đóng thầu. Thời điểm đóng thầu được quy định tại **BDL**. IDNES tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

17.2. IDNES có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của IDNES và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

Mục 18. HSDT nộp muộn

IDNES sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà IDNES nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn và bị loại.

Mục 19. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT

19.1. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường

19.2. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

19.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.

Mục 20. Bảo mật

20.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác.

20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 21 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với IDNES về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi dừng nhận HSMT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 21. Làm rõ HSDT

21.1. Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của IDNES. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì IDNES yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

21.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến IDNES để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong khoảng thời gian theo quy định tại **BDL**, IDNES có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. IDNES phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

21.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa IDNES và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được IDNES bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của IDNES thì IDNES sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.

21.4. Trường hợp cần thiết, IDNES có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với IDNES để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Mục 22. Xác định tính đáp ứng của HSDT

22.1. IDNES sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 9 CDNT.

22.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Trong đó, “sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; “đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; “bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:

- a. Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của IDNES hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;
- b. Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

22.3. IDNES phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần thứ hai đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

22.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

Mục 23. Sai sót không nghiêm trọng

23.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì IDNES có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

23.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của IDNES thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.

23.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, IDNES sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu;

việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.

Mục 24. Đánh giá HSDT

24.1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

- a. Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

24.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

24.3. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

- a. Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

24.4. Sau khi đánh giá về giá, IDNES lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và trình IDNES phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng.

Mục 25. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

25.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- a. Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
- b. Các lỗi khác:
 - Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng

với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT;
- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

25.2. Hiệu chỉnh các sai lệch

a. Trường hợp có sai lệch về phạm vi công việc thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

b. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;

c. Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, IDNES phải thông báo cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc,

kể từ ngày nhận được thông báo của IDNES, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho IDNES về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của IDNES. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của IDNES thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 26. Thương thảo hợp đồng

26.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT;
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c. HSMT.

26.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;
- b. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- c. Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDT của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

26.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có);
- c. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

26.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.

26.5. Trường hợp thương thảo không thành công, IDNES xem xét, quyết định mời nhà thầu

xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì IDNES xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT.

Mục 27. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

27.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

27.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

27.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

27.4. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất) hoặc nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá).

27.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 28. Hủy thầu

28.1. IDNES sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:

- a. Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;
- b. Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;
- c. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

28.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

28.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 28.1 CDNT, trong thời hạn 20 ngày IDNES phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT.

Mục 29. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

29.1. Trong thời hạn quy định tại **BDL**, IDNES phải đăng tải trên cổng thông tin điện tử của IDNES kết quả lựa chọn nhà thầu.

29.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

29.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm e Mục 15.5 CDNT.

Mục 30. Thay đổi khối lượng dịch vụ

Vào thời điểm trao hợp đồng, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu dịch vụ phi tư vấn, IDNES có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương V Phần thứ 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại **BDL** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.

Mục 31. Điều kiện ký kết hợp đồng

31.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

31.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì IDNES sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, IDNES sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

31.3. Hợp đồng ký kết sử dụng mẫu hợp đồng quy định tại HSMT hoặc một mẫu khác được IDNES chấp thuận.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.2	<p>- Tên gói thầu: Thuê Location và Kênh truyền (DC) – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP.</p> <p>- Thời gian thực hiện hợp đồng của mỗi dịch vụ là: 48 tháng được tính từ ngày các bên ký Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ.</p> <p>- Nội dung công việc: Nhà thầu cần thực hiện các dịch vụ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuê location (48 tháng); + Thuê kênh truyền Internet (48 tháng); + Thuê kênh truyền số liệu MPLS giữa Trung tâm chính (DC) và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (48 tháng); + Thuê kênh truyền quang trắng giữa Trung tâm chính (DC) và Trung tâm dự phòng (DRC) (48 tháng), dự phòng phí trong trường hợp chuyển đổi địa điểm (DRC).
CDNT 4.1	Thời gian nhà thầu gửi văn bản làm rõ HSMT là: không muộn hơn 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 5.2	<p>Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được IDNES đăng tải trên cổng thông tin điện tử của IDNES (www.idnes.com.vn) và trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn) trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 (ba) ngày.</p> <p>Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì IDNES thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 9.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Chương III của HSMT, gồm: Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng đối với hợp đồng đã thực hiện hoặc là Biên bản xác nhận hoàn thành phần lớn hợp đồng đối với hợp đồng đang thực hiện; - Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống UPS, hệ thống điều hòa không khí; hệ thống phòng cháy chữa cháy theo Yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của HSMT. - Bảng tuyên bố đáp ứng toàn bộ dịch vụ chào thầu theo yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của HSMT; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (áp dụng với từng loại hình doanh nghiệp, tuân thủ quy định luật kiểm toán và các văn bản pháp luật liên quan) trong 03 năm gần đây (2019, 2020, 2021) và tài liệu chứng minh nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế tương ứng; - Các chứng chỉ theo yêu cầu tại Mục 1, Phần 3, Chương V của HSMT.
CDNT 13.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: Không áp dụng.
CDNT 14.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 15.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 145.800.000 VND (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng./.).</p>

	- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 75 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 15.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 17.1	Thời điểm đóng thầu là: 15 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 01 năm 2023.
CDNT 21.2	Không áp dụng.
CDNT 29.1	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, IDNES phải đăng tải trên cổng thông tin điện tử của IDNES kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 30	Tỷ lệ tăng hoặc giảm khối lượng tối đa là: 15%.



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT;

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- b. Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSMT;
- c. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES;
- d. Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14.1 CDNT;
- e. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 15.3 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của IDNES (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 15.2 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc bằng Séc bảo chi thì IDNES sẽ quản lý Séc đó theo quy định tại Mục 15.2 CDNT;
- f. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;
- g. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước

tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

h. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 CDNT.

i. Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (trừ tiêu chí doanh thu theo hướng dẫn nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm); nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.


Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Mục này. Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì HSDT sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
2	Năng lực tài chính						
2.1	Doanh thu	Doanh thu bình quân hàng	Phải	Phải	Không	Không	Mẫu số

	bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ ⁽²⁾	năm tối thiểu là 3.645.500.000 VND (<i>Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng./.</i>), tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trong vòng 03 năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	thỏa mãn yêu cầu này	thỏa mãn yêu cầu này	áp dụng	áp dụng	10
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự về cho thuê chỗ đặt thiết bị CNTT và/hoặc cung cấp dịch vụ cho thuê kênh truyền mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁵⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁶⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu: (i) số lượng hợp đồng là 02, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là: 1.702.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu đồng./.</i>) hoặc (ii) số lượng hợp đồng khác 02, trong đó có ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 1.702.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu đồng./.</i>) và tổng giá trị tất cả các hợp đồng \geq 3.404.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu đồng./.</i>). 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 13

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị IDNES kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị IDNES kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

(2) Doanh thu:

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu như: Báo cáo tài chính hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác. Trong trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính, nhà thầu cần cung cấp tài liệu thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu trong quá trình thương thảo.

(3) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(4) Hợp đồng tương tự là hợp đồng có tính chất tương tự với gói thầu đang xét.

- Nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

- Đối với hợp đồng tương tự do nhà thầu cung cấp có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì quy mô hợp đồng tương tự được xác định bằng 70% giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm.

(5) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(6) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Yêu cầu về phạm vi cung cấp		
Phạm vi cung cấp	Nhà thầu cung cấp đầy đủ các dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không cung cấp đủ các dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
Yêu cầu chứng chỉ	Các chứng chỉ/chứng nhận do nhà thầu cung cấp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Các chứng chỉ/chứng nhận do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
	Nhà thầu có cam kết duy trì hiệu lực của các chứng nhận ISO trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng với IDNES.	Đạt

	Nhà thầu không có cam kết duy trì hiệu lực của các chứng nhận ISO trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng với IDNES.	Không đạt
Yêu cầu về chính sách bảo mật	Nhà thầu có quy trình, chính sách bảo mật đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có quy trình, chính sách bảo mật hoặc có quy trình, chính sách bảo mật nhưng không đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
Yêu cầu về kiểm soát vào/ra Data Center	Nhà thầu có quy trình kiểm soát an toàn, an ninh, bảo mật đối với việc vào/ra Data Center theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có quy trình kiểm soát an toàn, an ninh, bảo mật đối với việc vào/ra Data Center theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
2. Giải pháp và phương pháp luận		
Quy trình, biện pháp thi công	Nhà thầu có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện quy trình, biện pháp thi công chứng minh khả năng đáp ứng việc lắp đặt và bàn giao toàn bộ kênh truyền.	Đạt
	Nhà thầu không có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện quy trình, biện pháp thi công chứng minh khả năng đáp ứng việc lắp đặt và bàn giao toàn bộ kênh truyền.	Không đạt
Bảo hành bảo trì, khắc phục sự cố	Nhà thầu có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện phương án bảo hành bảo trì, khắc phục sai sót phù hợp yêu cầu tại Chương V trong HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện phương án bảo hành bảo trì, khắc phục sai sót phù hợp yêu cầu tại Chương V trong HSMT.	Không đạt
3. Kế hoạch triển khai		
Kế hoạch triển khai	Nhà thầu phải có kế hoạch triển khai với nội dung công việc cụ thể theo yêu cầu tại Chương V trong HSMT.	Đạt
	Nhà thầu phải có kế hoạch triển khai với nội dung công việc cụ thể theo yêu cầu tại Chương V trong HSMT.	Không đạt
4. Yêu cầu về kỹ thuật		

4.1. Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu		
Địa điểm và thời gian hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu	Trung tâm tích hợp dữ liệu của nhà thầu được đặt tại Thành phố Hà Nội và đã đi vào hoạt động và cung cấp dịch vụ tối thiểu 36 tháng tính đến thời điểm mở thầu.	Đạt
	Trung tâm tích hợp dữ liệu của nhà thầu được không được đặt tại Thành phố Hà Nội và/hoặc đã đi vào hoạt động và cung cấp dịch vụ ít hơn 36 tháng tính đến thời điểm mở thầu.	Không đạt
Yêu cầu chứng chỉ của Data Center	Nhà thầu có các chứng chỉ đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại Mục 1, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có đầy đủ các chứng chỉ và/hoặc có chứng chỉ nhưng thấp hơn và không đáp ứng đúng, hơn so với yêu cầu tại Mục 1, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
Cam kết của Nhà thầu	Nhà thầu có cam kết duy trì Chứng nhận bảo mật thông tin theo ISO 27001 trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết duy trì Chứng nhận bảo mật thông tin theo ISO 27001 trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.	Không đạt
Yêu cầu kỹ thuật về dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ	Nhà thầu có cam kết đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại mục 2, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại mục 2, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.2. Yêu cầu về dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ		
Hệ thống hạ tầng nguồn điện	Hệ thống hạ tầng nguồn điện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản a, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống hạ tầng nguồn điện không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản a, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
	Nhà thầu có cam kết về việc bảo dưỡng: - Đối với máy phát điện: ít nhất 01 năm/01 lần; - Đối với UPS: 03 tháng/01 lần.	Đạt

	Nhà thầu không có cam kết về việc bảo dưỡng: - Đối với máy phát điện: ít nhất 01 năm/01 lần; - Đối với UPS: 03 tháng/01 lần.	Không đạt
Hệ thống điều hòa không khí	Hệ thống điều hòa không khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản b, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống điều hòa không khí không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản b, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
	Nhà thầu có cam kết bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.	Không đạt
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống phòng cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản c, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản c, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
	Nhà thầu có cam kết bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.	Không đạt
Hệ thống kiểm soát an ninh	Hệ thống kiểm soát an ninh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản d, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống kiểm soát an ninh không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản d, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
Hệ thống sàn nâng	Hệ thống sàn nâng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản e, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống sàn nâng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản e, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
Hệ thống tiếp đất và chống sét	Hệ thống tiếp đất và chống sét đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản f, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống tiếp đất và chống sét không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản f, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt

Hệ thống quản trị cơ sở hạ tầng và giám sát môi trường	Hệ thống quản trị cơ sở hạ tầng và giám sát môi trường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản g, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Hệ thống quản trị cơ sở hạ tầng và giám sát môi trường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Khoản g, Mục 2, Phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.3. Yêu cầu về hệ thống tủ rack		
Hệ thống tủ rack của Data Center	Tủ rack được đề xuất cung cấp bởi Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu và có tài liệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng so với yêu cầu tại mục 3, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Tủ rack được đề xuất cung cấp bởi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu và/hoặc không có tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng so với yêu cầu tại mục 3, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.4. Yêu cầu về thuê kênh truyền Internet 5Mpbs		
Kênh truyền Internet 5Mpbs	Nhà thầu cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.1, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và/hoặc không có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc không cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.1, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.5. Yêu cầu về thuê kênh truyền Internet 10Mpbs		
Kênh truyền số liệu MPLS10Mpbs	Nhà thầu cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.2, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và/hoặc không có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc không cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.2, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.6. Yêu cầu về thuê kênh truyền quang trắng điểm – điểm		

Kênh truyền quang trắng điểm – điểm	Nhà thầu cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.3, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không cam kết cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu và/hoặc không có các tài liệu giới thiệu để chứng minh khả năng đáp ứng đúng hoặc không cao hơn so với yêu cầu tại Mục 4.3, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
4.6. Yêu cầu về hỗ trợ vận hành, khắc phục sự cố		
Yêu cầu hỗ trợ vận hành, khắc phục sự cố	Nhà thầu có cam kết đáp ứng đúng yêu cầu tại Mục 5, phần III, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng đúng yêu cầu tại Mục 5, phần III, Chương V của HSMT.	Không đạt
Kết luận ⁽¹⁾		

(1): HSDT được kết luận là “Đạt” khi có tất cả 4 nội dung cơ bản theo yêu cầu của HSMT đều được đánh giá là “Đạt”. HSDT được kết luận là “Không đạt” khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “Không đạt” và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất như sau:

1. Xác định giá dự thầu;
2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));
3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));
4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
5. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong

HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi IDNES cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSMT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSMT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu này; trường hợp HSMT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Mẫu	Ghi chú
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 1(a)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá
		Mẫu số 1(b)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 3	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
4	Bảo lãnh dự thầu	Mẫu số 4(a)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng
		Mẫu số 4(b)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng
5	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Mẫu số 5(a)	Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói
6	Bản kê khai thông tin về nhà thầu	Mẫu số 6(a)	
	Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh	Mẫu số 6(b)	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
7	Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	Mẫu số 7	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ
8	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 8	
9	Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu	Mẫu số 9	
10	Doanh thu bình quân hàng năm	Mẫu số 10	
11	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 13	
12	Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ	Mẫu số 17	

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾* cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật khi tham dự gói thầu này.
5. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ email: _____

Đại diện: Ông/Bà _____

Số điện thoại: _____

6. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___⁽⁴⁾ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDT.
- (4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.
- (5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT.
- (6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 2 CDNT.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾* cùng với Bảng tổng hợp giá dự kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ___*[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽³⁾*

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽⁴⁾*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian _____⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm _____⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật

nêu trong HSDT.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 2 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ____, tại _____

Tôi là ___ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ___ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] do ___ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ [ghi tên nhà thầu]. ___ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ___⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___ bản, người được ủy quyền giữ ___ bản, Bên mời thầu giữ ___ bản.

Người được ủy quyền
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Người ủy quyền
[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công cho _____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại

diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Thực hiện nguồn lực tài chính cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể

được sửa đổi bổ sung cho phù hợp,

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật hoặc quy định trong HSMT dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng _____ ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng]

dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Mục 15.2 **BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật hoặc quy định tại HSMT dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng _____ ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 15.2 **BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)

Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<i>Hoạt động 1</i>					M1
<i>Hoạt động 2</i>					M2
<i>Hoạt động n</i>	...				Mn
Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm dự phòng, thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(kết chuyển sang đơn dự thầu, trang số ...)</i>					M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương V Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (5), (6): do nhà thầu chào. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu và thành tiền của từng công việc cụ thể. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm _____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Không tách riêng phần chi phí dự phòng mà nhà thầu đã phân bổ trong giá dự thầu để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu:

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu và đã được kê khai trong HSDT. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính⁽³⁾ (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho ba năm gần nhất và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định, tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, nếu là khác 03 năm thì các cột tại bảng trên cần được thay đổi cho phù hợp.
- (3) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM⁽¹⁾

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Số liệu doanh thu hàng năm của nhà thầu trong ___ năm gần nhất²	
Năm	Số tiền (VND)
Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu⁽³⁾	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐT.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
3. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT
ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác;*

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về dự án

Chính phủ Việt Nam coi việc ứng dụng hệ thống đấu thầu điện tử trong mua sắm là một công cụ quan trọng để đạt được tính minh bạch, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong mua sắm và góp phần giảm tham nhũng trong các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước. Chính phủ đã yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) quản lý dự án và quản lý vận hành hệ thống này.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và vận hành hệ thống thí điểm đấu thầu điện tử (muasamcong.mpi.gov.vn) từ năm 2009 đến năm 2011. Hệ thống đấu thầu điện tử thí điểm bao gồm các phân hệ ứng dụng hỗ trợ đấu thầu mua sắm hàng hóa, công nghệ thông tin và hệ thống quản lý người dùng. Trên cơ sở kết quả tích cực của hệ thống thí điểm và số lượng bên mời thầu, nhà thầu đăng ký sử dụng hệ thống tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục thí điểm hệ thống đến cuối năm 2013 nhằm làm cơ sở cho việc triển khai trên toàn quốc trong thời gian tới. Từ năm 2015 trở đi hệ thống chính thức được sử dụng đăng tải thông tin về đấu thầu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng một Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ e-GP ("Hệ thống e-GP") trong khuôn khổ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2025 và Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2025, nhằm triển khai đấu thầu điện tử trên toàn quốc.

Hệ thống e-GP được triển khai thông qua hình thức đối tác công tư (PPP). Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chọn làm Nhà đầu tư và IDNES là doanh nghiệp dự án được thành lập để thực hiện Dự án. IDNES, cơ quan ký kết hợp đồng cho gói thầu tư vấn này, đang tìm kiếm Nhà thầu phụ để hỗ trợ cho việc chuẩn bị và triển khai dự án.

- Mục tiêu dự án: Mục tiêu tổng thể của Dự án là ứng dụng các tiến bộ của CNTT, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành một cách bền vững Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ (Hệ thống e-GP) nhằm quản lý thống nhất thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên cơ sở đảm bảo an toàn, cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Mục tiêu chi tiết của dự án:

1. Xây dựng hệ thống quy trình về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
2. Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý đấu thầu qua mạng, cải tiến nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, chuẩn hoá và mẫu hoá các văn bản, tài liệu, biểu mẫu trong đấu thầu phục vụ đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.

3. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ quá trình triển khai đấu thầu qua mạng.
4. Xây dựng hệ thống ứng dụng gồm 11 hệ thống thành phần, bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding), Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall), Quản lý hợp đồng qua mạng (e-Contract), Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier's Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống này. Sẵn sàng kết nối và tích hợp với các hệ thống chính phủ điện tử khác của Việt Nam.
5. Tổ chức đào tạo nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho các cơ quan quản lý đấu thầu, các Bên mời thầu và cộng đồng các doanh nghiệp tham gia Hệ thống e-GP. Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong và ngoài nước về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
6. Đảm bảo tất cả các thông tin về đấu thầu như danh sách bên mời thầu, kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu, kết quả đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống; từng bước tăng dần số lượng gói thầu thực hiện qua mạng.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thuê địa điểm đặt các thiết bị hạ tầng công nghệ của Trung tâm chính (DC) trong giai đoạn vận hành và bảo trì Hệ thống đấu thầu điện tử (Hệ thống eGP).

Trung tâm chính (DC): Là môi trường hạ tầng kỹ thuật chính để chạy các ứng dụng của Hệ thống eGP. Trung tâm DC bao gồm hệ thống mạng, máy chủ web, máy chủ ứng dụng, máy chủ cơ sở dữ liệu, hệ thống lưu trữ, hệ thống sao lưu, hệ thống bảo mật, hệ thống quản lý và giám sát.

II. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GÓI THẦU

1. Phạm vi cung cấp

IDNES có nhu cầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ cho thuê location để đặt thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin của Hệ thống eGP ở Thành phố Hà Nội và cung cấp kênh truyền Internet, kênh truyền số liệu MPLS, kênh truyền quang trắng điểm – điểm, cụ thể:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả dịch vụ	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
1	Thuê location (48 tháng)	Rack	02	Chi tiết được đề cập ở Mục 2 và 3, Phần III. Yêu cầu kỹ thuật, Chương V.	<ul style="list-style-type: none"> • 02 tủ RACK tiêu chuẩn 42U, công suất tiêu thụ 5kVA/tủ/tháng (công suất tính theo thực tế sử dụng) 	

2	Thuê kênh truyền Internet (48 tháng)	Kênh	02	Chi tiết được đề cập ở Mục 4.1, Phần III. Yêu cầu kỹ thuật, Chương V.	<ul style="list-style-type: none"> • 02 kênh Internet Dedicate tốc độ 5Mbps GIA/1Gbps NIX (Đã bao gồm 01 IP Public đi kèm) của 02 nhà cung cấp khác nhau. Mỗi nhà cung cấp chỉ được cung cấp 01 kênh truyền Internet. • Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. • Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. • Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	
3	Thuê kênh truyền số liệu MPLS (48 tháng)	Kênh	01	Chi tiết được đề cập ở Mục 4.2, Phần III. Yêu cầu kỹ thuật, Chương V.	<ul style="list-style-type: none"> • 01 kênh truyền số liệu 10Mbps kết nối Trung tâm chính (DC) - Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (OTD). • Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. • Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. • Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	Nhà thầu có trách nhiệm lắp đặt, cài đặt, kết nối giữa DC và OTD hoàn thiện trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư
4	Thuê kênh truyền quang trắng (48 tháng)	Kênh	01	Chi tiết được đề cập ở Mục 4.3, Phần III. Yêu cầu kỹ thuật, Chương V.	<ul style="list-style-type: none"> • 01 kênh truyền quang trắng điểm – điểm kết nối Trung tâm chính (DC) và Trung tâm dự phòng (DRC). • Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. • Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. • Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	Nhà thầu có trách nhiệm lắp đặt, cài đặt, kết nối giữa DC và DRC hoàn thiện trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư

2. Kế hoạch thực hiện

IDNES có nhu cầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ theo kế hoạch thực hiện như sau:

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Tiến độ thực	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực
-----	------------------	--------	------------	--------------	------------------------	---------------

			Công việc	hiện ⁽¹⁾		hiện
1	Thuê location (48 tháng)	Rack	02	M0+7	<ul style="list-style-type: none"> 02 tủ RACK tiêu chuẩn 42U, công suất tiêu thụ 5kVA/tủ/tháng (công suất tính theo thực tế sử dụng) 	Hà Nội
2	Thuê kênh truyền Internet (48 tháng)	Kênh	02	M0+7	<ul style="list-style-type: none"> 02 kênh Internet Dedicate tốc độ 5Mbps GIA/1Gbps NIX (Đã bao gồm 01 IP Public đi kèm) của 02 nhà cung cấp khác nhau. Mỗi nhà cung cấp chỉ được cung cấp 01 kênh truyền Internet. Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	Không yêu cầu
3	Thuê kênh truyền số liệu MPLS (48 tháng)	Kênh	01	M0+7	<ul style="list-style-type: none"> 01 kênh truyền số liệu 10Mbps kết nối Trung tâm chính (DC) - Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (OTD). Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	Không yêu cầu
4	Thuê kênh truyền quang trắng (48 tháng)	Kênh	01	M0+7	<ul style="list-style-type: none"> 01 kênh truyền quang trắng điểm – điểm kết nối Trung tâm chính (DC) và Trung tâm dự phòng (DRC). Cam kết tốc độ $\geq 98\%$. Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$. Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$. 	Không yêu cầu

Ghi chú:

- M0: là được tính là ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ được đặt tại Tầng 8, Tòa tháp VIT TOWER, số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Trung tâm dự phòng (DRC) có địa chỉ tại Khu TT, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Trong trường hợp có sự thay đổi vị trí của Trung tâm dự phòng (DRC), IDNES sẽ thông báo cho Nhà thầu về nội dung thay đổi. Nhà thầu phải tính chi phí dự phòng cho việc cài đặt, lắp đặt cho địa điểm mới, giá trị cho 01 lần thay đổi không được vượt quá 0,1% giá chào thầu. IDNES sẽ áp đơn giá mà Nhà thầu chào cho mỗi lần thay đổi nêu trên.
- Tiến độ thực hiện⁽¹⁾ được hiểu là thời điểm hai bên tiến hành nghiệm thu và ký Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ. Tiến độ thực hiện không được vượt quá số ngày quy định tại bảng trên.

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật chung của Data Center

- Data Center của nhà thầu được đặt tại Thành phố Hà Nội và đã đi vào hoạt động, cung cấp dịch vụ cho thuê tối thiểu 36 tháng tính đến thời điểm mở thầu.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center) của nhà thầu phải đáp ứng:

- Chứng chỉ Tier III (hoặc tương đương) về Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông;
- Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về Tiêu chuẩn về vận hành, quản lý chất lượng;
- Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 22301: 2019 về Hệ thống quản lý tính liên tục trong kinh doanh.
- Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 27001 về Hệ thống quản lý an toàn thông tin.

Các chứng nhận ISO phải còn giá trị đến thời điểm mở thầu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng với IDNES, nhà thầu phải đảm bảo hiệu lực của toàn bộ các Chứng nhận nêu trên.

- Yêu cầu về chính sách bảo mật Data Center:

- Cam kết tất cả các nhân viên vận hành đều phải thuộc diện đã ký hợp đồng lao động chính thức và ký cam kết bảo mật thông tin.
- Có quy trình quản lý tài sản (gồm cả tài sản khách hàng), trong quy trình phải phân công rõ trách nhiệm các bên.

- Yêu cầu về kiểm soát vào/ra Data Center:

- Việc truy cập vào khu vực đặt tủ Rack phải qua 2 lớp cửa kiểm soát. Trong đó có một lớp cửa phải được xác thực bằng sinh trắc học (móng mắt/vân tay/khuôn mặt), một lớp cửa còn lại được xác thực bằng thẻ từ hoặc sinh trắc học.
- Có phiếu ghi nhật ký (sổ ghi nhật ký) thời gian vào/ra, thông tin cán bộ vào/ra, mục đích vào làm việc và được ký xác nhận của cán bộ vào/ra và cán bộ vận hành. Phiếu phải được lưu tối thiểu 01 năm.

2. Yêu cầu kỹ thuật về dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ

Cung cấp dịch vụ và điều kiện kỹ thuật cần thiết về công kết nối vào mạng Internet, nguồn điện, máy điều hoà nhiệt độ, các thiết bị an toàn đảm bảo cho máy chủ và các thiết bị mạng có thể hoạt động trên mạng Internet 24 giờ/một ngày; 7 ngày/tuần.

a. Hệ thống hạ tầng nguồn điện phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đảm bảo cấp điện 24/7 không gián đoạn nhờ hệ thống nguồn dự phòng nhiều lớp.
- Có trạm biến áp hạ thế riêng cho Data Center.
- Hai máy biến áp trung thế kết nối đến mạng điện quốc gia.
- Máy phát điện đảm bảo yêu cầu:
 - Tối thiểu 02 máy phát điện;
 - Cấu hình hoạt động: N+1;
 - Chế độ hoạt động: Liên tục không giới hạn thời gian hoạt động trong năm;
 - Nhiên liệu: Hệ thống cấp nhiên liệu 2 ngăn, đáp ứng thời gian chạy máy ≥ 72 giờ;
 - Được bảo dưỡng định kỳ ít nhất 01 năm/01 lần.
- UPS phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Có tối thiểu 03 UPS loại True-online/double conversion UPS hoạt động ở chế độ song song theo chế độ dự phòng N+1, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/7;
 - Công suất hiện tại nhỏ hơn 80% công suất tối đa UPS;
 - Hệ thống có thể quản trị (theo dõi, giám sát) được qua mạng;
 - Hệ thống được bảo dưỡng định kỳ 03 tháng/01 lần;

b. Hệ thống điều hoà không khí phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Loại điều hoà chính xác (Precision air-conditioning).
- Yêu cầu về môi trường Data Center:
 - Nhiệt độ phòng: $22^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$;
 - Độ ẩm: 35%-60%RH;
- Điều hoà được bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.

c. Hệ thống phòng cháy chữa cháy phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Thiết kế hệ thống PCCC phải được xác nhận đủ tiêu chuẩn hoặc thẩm duyệt của cơ quan Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và được cơ quan PCCC kiểm tra xác nhận đủ điều kiện đưa vào sử dụng.
- Hệ thống báo cháy:
 - Có hệ thống cảnh báo, kích hoạt chữa cháy tự động;
 - Hệ thống báo cháy phải được trang bị đầy đủ đèn, còi báo cháy;
- Hệ thống chữa cháy:
 - Hệ thống chữa cháy tự động bằng tủ điều khiển, tủ điều khiển này phải có khả năng quản lý thiết bị và modules theo địa chỉ;
 - Tác nhân chữa cháy khí FM200 hoặc tương đương, không ảnh hưởng đến người và thiết bị điện tử;

- Có hệ thống chữa cháy phụ bằng tay dự phòng và bổ sung cho hệ thống chữa cháy tự động;

- Hệ thống PCCC được bảo dưỡng ít nhất 01 năm/01 lần.

d. Hệ thống kiểm soát an ninh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hệ thống cửa vào/ra có khả năng kiểm soát, theo dõi, ghi lại thời gian vào/ra.
- Hệ thống cửa vào/ra cho phép xác thực thông qua thẻ từ/Pin code hoặc sinh trắc học.
- Hệ thống cửa vào/ra có thể cấp quyền truy cập theo user.
- Hệ thống cửa vào/ra có thể quản lý được từ xa qua mạng.
- Hệ thống camera cho phép ghi lại hình ảnh các khu vực trọng yếu, hoạt động 24/7.
- Thời gian lưu trữ dữ liệu của hệ thống camera tối thiểu 6 tháng.
- Có nhân viên kỹ thuật trực hệ thống giám sát môi trường 24/7.
- Số điện thoại hỗ trợ (hotline): tối thiểu 02 số.
- Hệ thống điện, điều hòa, UPS: Phải được kiểm tra ít nhất 2 giờ mỗi lần.

e. Hệ thống sàn nâng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tấm sàn sử dụng là loại có kích thước 600x600 (mm) có kết cấu đế thép, lõi bê-tông, bề mặt có phủ lớp cách điện và chống tĩnh điện. Khả năng chịu tải tối thiểu của mặt sàn là 1200kg/m².

- Được thiết kế làm thông gió cho hệ thống điều hoà cung cấp cho các thiết bị đặt bên trên.

- Hệ thống chân đế của sàn nâng được đấu nối tiếp đất để triệt tiêu rò điện và chống tĩnh điện.

- Đường vào/ra của phòng thiết bị (hoặc phòng tháo dỡ) được bố trí một sàn nghiêng bọc cao su chống trượt cho việc vận chuyển thiết bị vào/ra.

- Trần giả:

- Sử dụng vật liệu tiêu âm, không cháy;
- Độ cao từ sàn giả đến trần giả: 2,6m - 3,2m.

f. Hệ thống tiếp đất và chống sét phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đảm bảo chức năng cắt sét cả về nguồn điện, cũng như việc lan truyền sét đến các hệ thống khác trong Data Center.

- Hệ thống phải đảm bảo tiếp đất cho toàn bộ thiết bị trong Data Center.

- Thiết bị chống sét được trang bị tại tất cả các tủ điện.

g. Hệ thống quản trị cơ sở hạ tầng và giám sát môi trường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phòng vận hành, giám sát:

- Phòng vận hành, giám sát được trang bị, màn hình theo dõi các khu vực trọng yếu trong Data Center;
- Có máy tính nối mạng, cài đặt hệ thống monitoring.

- Chức năng phần mềm:

- Giám sát tập trung theo thời gian thực;

- Có khả năng thông tin ngay cho cán bộ vận hành qua màn hình máy tính tại phòng vận hành khi có cảnh báo hệ thống hoặc giá trị vượt ngưỡng quy định.
- Giám sát hệ thống cấp điện: Trạng thái và thông số máy phát điện
- Giám sát hệ thống UPS:
 - Điện áp vào/ra các pha, Tần số vào/ra, Mạch bypass
 - Dòng điện các pha
 - Công suất và tỷ lệ tải
 - Điện áp Battery
 - Số phút (backup time) tương ứng với tải hiện tại.
 - Cảnh báo lỗi hệ thống.
- Giám sát hệ thống điều hòa:
 - Tình trạng máy: on/off, chế độ cooling, heating, phun ẩm, hút ẩm, thời gian vận hành;
 - Thông số: nhiệt độ/độ ẩm cài đặt, nhiệt độ và độ ẩm phòng, nhiệt độ gió cấp;
 - Cảnh báo lỗi hệ thống.
- Giám sát hệ thống tủ điện: tủ phân phối điện cho PDU, tủ vào UPS:
 - Thông số điện;
 - Trạng thái của các Aptomat hoặc máy cắt;
 - Trạng thái ATS.
- Giám sát được hệ thống PCCC:
 - Trạng thái hệ thống báo cháy, chữa cháy;
 - Trạng thái các đầu báo khói.
- Giám sát được tình trạng rò rỉ chất lỏng trong Data Center.
- Giám sát được các thông số môi trường trong Data Center:
 - Nhiệt độ trung bình phòng;
 - Độ ẩm trung bình phòng.

3. Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống tủ rack

- Thiết kế phù hợp cho hệ thống server lớn.
- Kích thước lắp đặt server: 42U
- Công suất tiêu thụ: 5kVA/tủ/tháng (*công suất tính theo thực tế sử dụng*)
- Đối với cấp điện phân phối cho tủ Rack (điện 1 pha) sử dụng dây cáp có tiết diện tối thiểu 6mm² (32A), hệ thống phân phối điện được đấu nối vào socket IEC-IP44 (32A) để kết nối vào hệ thống Rack PDU (bộ chia nguồn PDU tại tủ Rack).
- Cung cấp bộ chia nguồn (PDU) tại tủ rack:
 - IEC 309 2P•E 32A
 - Số lượng ổ cắm 10A IEC C13_C14: 36
 - Số lượng ổ cắm 16A IEC C19_C20: 6

4. Dịch vụ thuê kênh truyền

4.1 Thuê kênh truyền Internet 5Mbps

- Điểm kết nối: Tủ rack của IDNES tại Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center) do nhà thầu cung cấp. Trong Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin gồm: Rack ID, phòng, tầng và địa chỉ tủ rack mà nhà thầu bàn giao.

- Nhà thầu được yêu cầu cung cấp 2 kênh truyền Internet từ 2 nhà cung cấp dịch vụ khác nhau trong đó mỗi nhà cung cấp dịch vụ chỉ được cung cấp 01 kênh truyền Internet. Ngoài ra, các nhà cung cấp dịch vụ đều phải có khả năng cung cấp dịch vụ chống DDOS khi IDNES có yêu cầu. Dịch vụ chống DDOS không được ảnh hưởng đến dịch vụ thuê kênh truyền. Nếu tại thời điểm IDNES yêu cầu, nhà cung cấp dịch vụ không đáp ứng được yêu cầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm lựa chọn và ký kết với nhà thầu cung cấp dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu trong vòng 07 ngày làm việc.

- Dịch vụ đường truyền: Đường truyền Internet trực tiếp Internet LeasedLine (*Đường truyền Internet tốc độ cao có cam kết và được quảng bá trực tiếp ra Internet*).

- Kênh truyền Internet cần hỗ trợ quảng bá dải IP riêng (IPv4 và IPv6) thông qua giao thức BGP và không chặn hoặc giới hạn gì. Thông tin về ASN và dải IP riêng sẽ được cung cấp bởi IDNES.

- Băng thông kết nối mỗi đường truyền phải đáp ứng 5Mbps/1Gbps (GIA/NIX). Trong đó, 5Mbps/1Gbps (GIA/NIX) có nghĩa là 5Mbps băng thông quốc tế và 1Gbps băng thông nội địa.

- Yêu cầu về địa chỉ IP cho mỗi kênh truyền:

- Kênh truyền Internet cần cung cấp địa chỉ IP (IPv4 và IPv6) đầu nối giữa router của Hệ thống eGP và PE của nhà cung cấp dịch vụ.
- Đối với IPv4: Dải IP đầu nối này là dải IP Public /29 (8 địa chỉ IP) trong đó Hệ thống eGP cần 2 IP đặt trên 2 Router.
- Đối với IPv6: Dải IP đầu nối cần đủ lớn (tối thiểu /125) để đặt được trên cả 2 Router của Hệ thống eGP.

- Phương thức truyền dẫn của mỗi kênh truyền: Sử dụng cáp quang. Số lượng 02 kênh cáp quang/mỗi kênh truyền. Trong đó, mỗi kênh truyền Internet cần cung cấp 2 kết nối vật lý đến 2 Router của Hệ thống eGP đặt tại 2 tủ cạnh nhau. 2 kết nối vật lý này sẽ gắn trực tiếp vào 2 Router của Hệ thống eGP đặt tại 2 tủ cạnh nhau. 2 kết nối vật lý này đều phải hoạt động song song cùng lúc. Đối với 2 kết nối vật lý đều có khả năng cấu hình BGP độc lập và hoạt động song song cùng lúc với nhà cung cấp dịch vụ.

- Giao diện kết nối với mạng: Quang chuẩn LC.

- Vật tư và phụ kiện yêu cầu:

- Nhà thầu cung cấp transceiver quang (sfp) 1Gbps và dây nhảy quang tương thích với đường truyền chính và tương thích với router của Hệ thống eGP bao gồm các dòng Cisco ASR1001X và ISR4431.
- Transceiver của nhà thầu cung cấp cần hỗ trợ các tính năng DOM/DDM để kiểm tra được công suất thu phát quang.

- Nhà thầu cung cấp công cụ trực tuyến thống kê băng thông sử dụng Internet thực tế của Chủ đầu tư đối với từng phạm vi: Internet trong nước, Internet quốc tế ở dạng thời gian thực và tra cứu dữ liệu lịch sử.

- Cam kết tốc độ $\geq 98\%$
- Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$
- Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$

4.2 Thuê kênh truyền số liệu 10Mbps

- Loại dịch vụ: MetroWan/Office Wan Layer2 (Là dịch vụ cung cấp mạng riêng ảo (Virtual private network Layer) với mục đích truyền dữ liệu data dành cho doanh nghiệp lớn có nhiều chi nhánh khác nhau, trụ sở trên toàn quốc dựa trên hạ tầng MPLS/VPN hoặc IP/MPLS của, nhằm đáp ứng các nhu cầu truyền dữ liệu tốc độ cao và bảo mật giữa hai hay nhiều điểm chi nhánh cho doanh nghiệp).

- Số lượng đường truyền: 01.
- Băng thông kết nối: 10Mbps.
- Điểm đầu: Tủ rack của IDNES tại Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center) do nhà thầu cung cấp. Trong Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin gồm: Rack ID, phòng, tầng và địa chỉ tủ rack mà nhà thầu bàn giao.
- Điểm cuối: Địa chỉ tại Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (OTD) của IDNES
 - Địa chỉ: Toà nhà VIT, 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
 - Tầng: 8
- Phương thức truyền dẫn: cáp quang. Số lượng cáp: 01. Trong đó, kênh truyền chỉ cần 1 cáp vật lý đến tủ rack của Hệ thống eGP.
- Giao diện kết nối 2 đầu: GigaEthernet với chuẩn kết nối RJ45. Trong đó, tại mỗi điểm, kênh truyền được kéo cáp quang đến rồi cắm vào media converter.
- Nhà thầu cung cấp converter và cáp nhảy tương ứng. Converter cần đạt tốc độ 1 Gbps để phục vụ việc nâng cấp băng thông sau này.
- Nhà thầu cung cấp công cụ trực tuyến thống kê băng thông sử dụng của kết nối ở dạng thời gian thực và tra cứu dữ liệu lịch sử.
- Cam kết tốc độ $\geq 98\%$
- Cam kết độ trễ $\leq 50\text{ms}$
- Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$

Ghi chú: Ngoài đơn giá chào cho kênh truyền số liệu 10Mbps nêu trên, để tham khảo trong trường hợp IDNES có nhu cầu tăng băng thông kết nối trong giai đoạn triển khai hợp đồng, IDNES đề nghị Nhà thầu gửi bảng đơn giá đối với kênh truyền số liệu 40Mbps, 50Mbps, 60Mbps, 70Mbps, 80Mbps, 90Mbps, 100Mbps kèm theo HSDT. Đơn giá chào này không phải là căn cứ để đánh giá giá chào của nhà thầu, mà là căn cứ để IDNES sử dụng trong trường hợp có nhu cầu tăng băng thông đường truyền (nếu có).

4.3 Thuê kênh truyền quang trắng điểm – điểm

- Loại dịch vụ: Dark Fiber (Quang Trắng điểm-điểm)
- Số lượng đường truyền: 01. Trong đó, nhà cung cấp kết nối được yêu cầu phải độc lập với nhà cung cấp kết nối đường truyền số liệu 10Mbps có yêu cầu tại Mục 4.2, Chương V. Yêu cầu về Phạm vi cung cấp.
- Băng thông kết nối: 10Gbps.

- Điểm đầu: Tủ rack của IDNES tại Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center) do nhà thầu cung cấp. Trong Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin gồm: Rack ID, phòng, tầng và địa chỉ tủ rack mà nhà thầu bàn giao.

- Điểm cuối: Địa chỉ tại Trung tâm dữ liệu Viettel Hòa Lạc (Trung tâm dự phòng DRC)

- Địa chỉ: Khu TT, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
- Tầng: 4
- Phòng máy: 2
- Tủ Rack: C16

Trong trường hợp chuyển địa điểm Trung tâm dự phòng (DRC), IDNES sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 03 ngày làm việc để nhà thầu tiến hành cài đặt, lắp đặt, triển khai ở Trung tâm dự phòng mới. Nhà thầu phải tính phương án và chào giá thầu cho hạng mục phát sinh nêu trên.

- Hệ thống truyền dẫn: cáp quang đơn mode (single mode). Số lượng cáp: 01. Trong đó, kênh truyền chỉ cần 1 cáp vật lý đến tủ rack của Hệ thống eGP.

- Giao diện kết nối 2 đầu:

- Điểm đầu: LC-LC (sử dụng SFP+/Tranceiver quang)
- Điểm cuối: RJ45 (sử dụng media converter quang-đồng)

- Thiết bị đầu cuối:

- Điểm đầu:
 - Tranceiver quang/SFP+ tốc độ: 10G.
 - Tương thích với hệ thống truyền dẫn quang do ISP đó cung cấp.
 - Tương thích với thiết bị của IDNES: Cisco Catalyst C9500.
 - Số lượng tranceiver tương ứng bằng với số lượng kênh.
 - Tranceiver của nhà thầu cung cấp cần hỗ trợ các tính năng DOM/DDM để kiểm tra được công suất thu phát quang.
- Điểm cuối:
 - Media converter quang tốc độ 10G.
 - Tương thích với hệ thống truyền dẫn quang do ISP đó cung cấp.
 - Cổng RJ45 của Media Converter này cắm xuống thiết bị của IDNES cũng phải đảm bảo tốc độ 10G (10G base-T).
 - Số lượng media converter/Switch quang tương ứng bằng với số lượng kênh. Converter cần đạt tốc độ 10 Gbps để phục vụ việc nâng cấp bằng thông sau này.
 - Nhà thầu cung cấp converter và cáp nhảy tương ứng.

- Nhà thầu cung cấp công cụ trực tuyến thống kê băng thông sử dụng của kết nối ở dạng thời gian thực và tra cứu dữ liệu lịch sử.

- Cam kết tốc độ $\geq 98\%$

- Cam kết độ trễ $\leq 10\text{ms}$

- Cam kết độ mất gói tin $\leq 0,1\%$

5. Yêu cầu hỗ trợ vận hành, khắc phục sự cố

- Nhà thầu cần cung cấp số điện thoại và email tiếp nhận hỗ trợ.
- Nhà thầu cần cung cấp quy trình giám sát và bảo dưỡng định kỳ đảm bảo an toàn tuyến cáp.
- Nhà thầu cần cam kết hỗ trợ 24 giờ/một ngày; 7 ngày/tuần. Trong đó, yêu cầu về thông báo, khắc phục sự cố, cụ thể:
 - Trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm IDNES thông báo bằng điện thoại/công văn/email, nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận và khắc phục xong sự cố. Nếu nhà thầu không khắc phục trong thời gian quy định và không có thông báo cho IDNES về lý do, IDNES sẽ áp dụng quy định phạt và bồi thường theo quy định tại ĐKCT của Hợp đồng.
 - Khi có bất cứ hoạt động nào mà có thể làm gián đoạn kết nối cung cấp cho Hệ thống eGP (bảo trì, chuyển cấp...), Nhà thầu cần thông báo cho IDNES và lên phương án không gián đoạn hệ thống trước tối thiểu 03 ngày làm việc. IDNES sẽ quy định cụ thể về việc giảm trừ thời gian gián đoạn tại ĐKCT của Hợp đồng.
- Ngoài ra, Nhà thầu cần cam kết hỗ trợ trong các trường hợp phát sinh gồm:
 - Trong trường hợp hệ thống phát sinh yêu cầu gấp về mặt băng thông, gặp sự cố hoặc dưới sự tấn công mạng (DoS, DDoS), khi có yêu cầu ứng cứu cho Hệ thống eGP của IDNES, nhà thầu có trách nhiệm nâng cấp băng thông quốc tế/trong nước ngắn hạn trong thời gian 24 giờ.
 - Trong quá trình sử dụng dịch vụ, nhà thầu cam kết hỗ trợ nâng cấp băng thông quốc tế tối thiểu 100Mbps và băng thông trong nước lên đến 2Gbps đối với kênh truyền Internet và băng thông tối thiểu 100Mbps đối với kênh truyền số liệu MPLS 10Mbps khi có yêu cầu hỗ trợ từ IDNES để phục vụ thử nghiệm hoặc nâng cấp hệ thống. Thời gian hỗ trợ mỗi đợt không quá 30 ngày.

DANH SÁCH CÁC THIẾT BỊ DỰ KIẾN ĐẶT TẠI DC

STT	Tên thiết bị		ĐVT	Số lượng
1	Core Switch	Cisco Catalyst Switch 9500 - C9500-16X	Bộ	2
2	Switch – phân hệ Servers	Cisco Nexus Switch 93108TC-FX	Bộ	2
3	Internet/WAN Router 1	Cisco ASR1001-X	Bộ	1
4	Internet/WAN Router 2	Cisco ISR 4431	Bộ	1
5	Firewall lớp 1	FortiGate 1101E	Bộ	2
6	Load Balancer	Citrix Application Delivery Controller 8905	Bộ	2
7	Firewall lớp 2	Checkpoint 6600 Appliance	Bộ	2
8	DMZ servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	2
9	App, Support servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	5
10	DB servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	2
11	Management servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	1
12	Dev, UAT, Training server	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	3
13	Backup server	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	1
14	SAN storage	HPE Primera C650	Bộ	1
15	SAN Switch	HPE SN3600B Fibre Channel Switch	Bộ	2
16	Tape Library	HPE StoreEver MSL2024	Bộ	1

Phần thứ ba. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. “Dịch vụ phi tư vấn” bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.10. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.11. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thư chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. ĐKCT;</p> <p>2.5. ĐKC;</p> <p>2.6. HSĐT và các văn bản làm rõ HSĐT của Nhà thầu;</p> <p>2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
3. Luật và ngôn ngữ	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Ủy quyền	<p>Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã</p>

	thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Nhà thầu phụ	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT, Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>6.2. Việc sử dụng, thay thế nhà thầu phụ phải được thông báo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>6.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
7. Giải quyết tranh chấp	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
8. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
9. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp.
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 9 ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>11.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
12. Điều chỉnh giá hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .

13. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Tạm ứng	<p>14.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>14.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>14.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
15. Thanh toán	<p>15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>15.2. Đồng tiền thanh toán là: _____.</p> <p>15.3. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>16.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>16.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>16.3. Một Bên (“Bên tiếp nhận thông tin”) cam kết bảo mật nội dung hợp đồng cùng toàn bộ các thông tin, tài liệu của Bên còn lại mà Bên tiếp nhận thông tin nhận được hoặc biết được trong quá trình thực hiện hợp đồng này.</p>
17. Phạt và Bồi thường thiệt hại	<p>17.1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 19 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể</p>

	<p>xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 21 ĐKC.</p> <p>17.2. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót như quy định tại ĐKCT.</p>
18. Bất khả kháng	<p>18.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>18.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>18.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 7 ĐKC.</p>
19. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	<p>19.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>19.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
20. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>20.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>20.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>20.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem</p>

	<p>xét, quyết định;</p> <p>20.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>21. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>21.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại HSMT thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>21.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 21.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>21.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 21.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào, Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
<p>22. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót và Phạt thực hiện hợp đồng</p>	<p>22.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tư đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 17.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia
ĐKC 1.3	Nhà thầu: <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].</i>
ĐKC 1.10	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Hà Nội.
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản thương thảo.
ĐKC 4	Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0243.7950.338 Địa chỉ email: contact@idnes.onmicrosoft.com
ĐKC 6.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng.
ĐKC 7.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án thành phố Hà Nội. Các điều kiện về giải quyết tranh chấp có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.
ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: <i>___[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].</i>
ĐKC 12	Điều chỉnh giá hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thống nhất điều chỉnh bổ sung thông qua các phụ lục điều chỉnh. Mọi sự điều chỉnh phát sinh phải có sự đồng ý của 2 bên bằng văn bản. Các phụ lục điều chỉnh là một phần không thể tách rời của hợp đồng. Các điều khoản trong hợp đồng nếu không điều chỉnh trong các phụ lục thì giữ nguyên giá trị trong thời gian thực hiện hợp đồng.
ĐKC 13	Điều chỉnh thuế: được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng

	có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 14.1	Tạm ứng: không áp dụng.
ĐKC 15.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.</p> <p>2. Thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán định kỳ cho nhà thầu theo lịch trình 03 tháng/lần vào cuối kỳ tương ứng với đơn giá thuê đường truyền được quy định trong hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giấy đề nghị thanh toán (01 bản gốc); • Hóa đơn tài chính (01 bản gốc); • Báo cáo định kỳ đợt thanh toán (02 bản gốc); • Biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ trong đợt thanh toán đã thực hiện (03 bản gốc). <p>Trong lần đề nghị thanh toán đầu tiên, nhà thầu cần cung cấp thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ: (02 bản gốc) <p>Trong lần đề nghị thanh toán cuối cùng, nhà thầu phải cung cấp bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản thanh lý hợp đồng: (02 bản gốc) <p>Các điều kiện về thanh toán có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.</p>
ĐKC 15.3	Giảm trừ thanh toán: thống nhất khi thương thảo.
ĐKC 17.1	<p>- Mức bồi thường thiệt hại là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp nhà thầu chậm thực hiện nghĩa vụ: khấu trừ 1% giá trị phần nghĩa vụ chậm thực hiện/01 ngày chậm thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được hoàn thành. <p>- Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là 8% giá trị hợp đồng. Ngoài ra, nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư mọi thiệt hại thực tế mà Chủ đầu tư phải gánh chịu (bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí thuê bên thứ ba khắc phục, các khoản phạt và bồi thường mà Chủ đầu tư phải trả cho bên thứ ba khác là hệ quả do việc Gián đoạn, lỗi, trễ gây ra).</p> <p>Các điều kiện về Phạt và Bồi thường thiệt hại có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.</p>
ĐKC 17.2	<p>Khi xảy ra vi phạm dịch vụ, làm dừng hoặc gián đoạn dịch vụ do lỗi của Nhà thầu, các mức phạt sẽ được áp dụng, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • “Gián đoạn” được hiểu là hiện tượng mà Chủ đầu tư tạm thời không thể sử dụng Dịch vụ do lỗi kỹ thuật từ thiết bị của Nhà thầu cung cấp. <i>(Không bao gồm trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 10 của Hợp đồng này)</i> • Trong trường hợp Nhà thầu có kế hoạch bảo trì, nâng cấp, sửa chữa,... gây ảnh hưởng và gián đoạn dịch vụ cho Chủ đầu tư, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 03 ngày trước khi thực hiện.

Trong trường hợp này sẽ không tính là “Gián đoạn”. Tuy nhiên, Nhà thầu phải trừ đi cước sử dụng thực tế, với công thức:

Số tiền giảm trừ = Cước phí trong tháng/30/24*Số giờ gián đoạn thực tế

- Tổng giá trị phạt của tất cả các dịch vụ bị phạt vi phạm không vượt quá 8% Tổng giá trị hợp đồng

- Bất kỳ lỗi, trễ, Gián đoạn hay mất kết nối xuất hiện do trục trặc từ thiết bị hay cáp của Nhà thầu khi Chủ đầu tư đang vận hành sẽ được Nhà thầu bù đắp bằng việc giảm trừ phí thuê trong thời gian Gián đoạn dịch vụ theo bảng dưới đây:

*** Đối với dịch vụ Thuê Location**

Hạng mục dịch vụ	Các mức giảm trừ	
UPS và các điều kiện nguồn, điều hoà	Tổng thời gian Gián đoạn trong tháng ≤ 24 giờ: Cứ mỗi 1 giờ gián đoạn Giảm trừ một (01) ngày cước dịch vụ Thuê Location của tháng xảy ra gián đoạn	Tổng thời gian Gián đoạn trong tháng > 24 giờ: giảm trừ 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi giờ gián đoạn nhưng tổng giá trị phạt vi phạm sau khi cộng với giá trị phạt vi phạm của các hạng mục dịch vụ khác (nếu có) không vượt quá 8% tổng giá trị hợp đồng

*** Đối với dịch vụ Thuê kênh truyền Internet Dedicate**

Hạng mục dịch vụ	Các mức giảm trừ		
Truy cập Internet	<i>Gián đoạn dưới 30 phút:</i> Không giảm trừ phí do thời gian gián đoạn nhưng không quá 1 lần/tháng. Lần thứ 2 trong tháng tương ứng trở đi được tính thành 1 giờ gián đoạn.	<i>Tổng thời gian Gián đoạn trong tháng ≤ 24 giờ:</i> Cứ mỗi 1 giờ gián đoạn Giảm trừ 50% giá trị một (01) ngày cước dịch vụ thuê kênh truyền Internet Dedicate của tháng tương ứng xảy ra	<i>Tổng thời gian Gián đoạn trong tháng từ > 24 giờ:</i> Giảm trừ 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi giờ gián đoạn nhưng tổng giá trị phạt vi phạm sau khi cộng với giá trị

	Gián đoạn trên 30 phút: được làm tròn thành 1 giờ.	gián đoạn.	phạt vi phạm của các hạng mục dịch vụ khác (nếu có) không vượt quá 8% tổng giá trị hợp đồng.
	<p>* Đối với dịch vụ kênh truyền số liệu MPLS</p> <p>Trường hợp xảy ra gián đoạn (thời gian gián đoạn tính từ lúc Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu đến lúc Nhà thầu báo lại cho Chủ đầu tư về việc khắc phục sự cố - căn cứ vào sổ trực ca và Biên bản xác nhận của kỹ thuật hai Bên) - do lỗi của Nhà thầu, việc giảm trừ cước phí trong thời gian gián đoạn Dịch vụ được khấu trừ vào cước chu kỳ kế tiếp tuy nhiên tổng giá trị giảm trừ cước phí sau khi cộng với giá trị giảm trừ cước phí do vi phạm dịch vụ của các hạng mục dịch vụ khác (nếu có) không vượt quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Thời gian gián đoạn được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dưới ba mươi (30) phút: Không giảm cước; • Từ ba mươi (30) phút đến sáu mươi (60) phút: Giảm ba mươi (30) phút; • Trên sáu mươi (60) phút: Giảm theo thời gian mất liên lạc thực tế. <p>Các điều kiện về Phạt và Bồi thường thiệt hại có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.</p>		
ĐKC 19.1(c)	<p>Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: thay đổi thông tin pháp nhân của hai bên hoặc những thay đổi bổ sung liên quan đến các điều khoản của hợp đồng với điều kiện các thay đổi này phải được thông báo trước và nhận được sự chấp thuận của hai bên bằng văn bản.</p> <p>Điều khoản về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.</p>		
ĐKC 20.4	<p>Các trường hợp khác: thống nhất khi thương thảo</p>		
ĐKC 21.1(d)	<p>Các hành vi khác: Nhà thầu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại hợp đồng này mà không thực hiện khắc phục hoặc không có khả năng khắc phục theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng giữa hai bên.</p>		
ĐKC 22.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: thống nhất khi thương thảo.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: thống nhất khi thương thảo.</p>		
ĐKC 23.2	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Không áp dụng</p>		

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 18. Thư chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng

Mẫu số 19. Hợp đồng

Mẫu số 20. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 21. Bảo lãnh tiền tạm ứng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT. Trường hợp không áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng thì bỏ điều khoản này]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Thuê Location và Kênh truyền (DC) – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê Location và Kênh truyền (DC) – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP” của Bên mời thầu;

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.7950.338

E-mail: contact@idnes.onmicrosoft.com

Tài khoản: _____

Mã số thuế: 0108930466

Đại diện là ông/bà: Nguyễn Thế Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số 01/21/UQ-IDNES ngày 01/01/2021.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
6. Điều kiện chung của hợp đồng;
7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
8. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].
2. Phương thức thanh toán:
 - Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản;
 - Thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán định kỳ cho nhà thầu theo lịch trình 03 tháng/lần vào cuối kỳ tương ứng với đơn giá thuê đường truyền được quy định trong hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bao gồm:
 - Giấy đề nghị thanh toán (01 bản gốc);
 - Hóa đơn tài chính (01 bản gốc);
 - Báo cáo định kỳ đợt thanh toán (02 bản gốc);
 - Biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ trong đợt thanh toán đã thực hiện (03 bản gốc).

Trong lần đề nghị thanh toán đầu tiên, nhà thầu cần cung cấp thêm:

- Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ: (02 bản gốc)

Trong lần đề nghị thanh toán cuối cùng, nhà thầu phải cung cấp bổ sung:

- Biên bản thanh lý hợp đồng: (02 bản gốc)

Các điều kiện về thanh toán có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Chủ đầu tư giữ 02 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày __ tháng __ năm __)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

Mẫu số 20

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ___ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ___ [ghi tên của ngân hàng] ở ___ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ___ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ___ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ___ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ___ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ___ [ghi số hợp đồng] ngày ___ tháng ___ năm (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của hồ sơ mời thầu].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.